



**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015
- YÊU CẦU KỸ THUẬT**

Hà Nội – 2020

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2



LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn dầu nhờn động cơ **DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015** số hiệu: TCCS 102:2020/PLC do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

Đây là sản phẩm được sản xuất theo Hợp đồng thành viên dầu nhờn ký kết giữa Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP và hãng dầu nhờn Total Lubmarine.





PETROLIMEX
TỔNG CÔNG TY
HOÁ DẦU PETROLIMEX

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ
DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015

TCCS 102 : 2020/PLC

Lần soát xét: 03
 Ngày hiệu lực: 08/04/2020

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015

- YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho dầu nhờn động cơ **DISOLA M 3015, 4015 và 5015** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) sản xuất, được sử dụng cho động cơ 4 thì trên các máy chính, máy đèn thông thường và tăng áp sử dụng Gas oil hoặc MDO (ISO 8217 DMX và DMA), bôi trơn bạc đạn, bộ giảm tốc... của tàu biển.

Ghi chú: Tiêu chuẩn cơ sở này thay thế cho các tiêu chuẩn cơ sở phiên bản trước đây của sản phẩm Disola M 3015, Disola M 4015 và Disola M 5015.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1.	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2.	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt
3.	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ bắt cháy cốc hở
4.	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
5.	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
6.	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7.	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định Trị số kiềm tổng (TBN)
8.	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Tổng hàm lượng kim loại
9.	ASTM D130	Phương pháp thử xác định khả năng ăn mòn tấm đồng
10.	ASTM D4055	Phương pháp thử xác định hàm lượng cặn pentan
11.	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
12.	QCVN 14:2018/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong
13.	Nghị định 43//2017/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa
14.	Thông tư 21/2007/TT-BKHCN	Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu nhờn động cơ **DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015** có cấp chất lượng API: CF; cấp độ nhớt SAE: 30, 40 và 50.

3.2 Yêu cầu về nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.

- Phụ gia: Phụ gia cho dầu động cơ đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không gây hỏng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3 Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt động cơ **DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015:**

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ	DISOLA M		
		3015	4015	5015
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	11,5÷12,5	13,5÷15	19÷20,5
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	95	95	95
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	220	230	230
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97	-9	-9	-9
5. Hàm lượng nước, % TT, max	ASTM D95	0,05	0,05	0,05
6. Đặc tính tạo bọt, ml	ASTM D892	100/0	100/0	100/0
Foam I, max				
Foam II, max				
7. Ăn mòn tấm đồng, max	ASTM D130	1	1	1
8. Hàm lượng cặn pentan, %KL, max	ASTM D4055	0,1	0,1	0,1
9. TBN, mg KOH/g	ASTM D2896	14,06÷16,17	14,06÷16,17	13,4÷15,4
10. Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % KL, min	ASTM D4951	0,1	0,1	0,1

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4 Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4075)

4. Thông tin bổ sung:

4.1 Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.

4.2 Bao gói: Dầu nhớt động cơ **DISOLA M 3015, 4015 VÀ 5015** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 205 lít, dạng Xá, Thùng 25 và 18 lít.

5. Các yêu cầu khác:

5.1 Chứng nhận chất lượng hàng hóa: Theo chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hóa.